

Bản án số: 224/2018/HNGĐ-ST

Ngày 16/8/2018

Tranh chấp về hôn nhân gia đình
(Không công nhận là vợ chồng).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN S TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hồng Việt;

2/ Ông Nguyễn Quang Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên S tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên S tỉnh Tuyên Quang* tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên S tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09/7/2018 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 30/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thên Thị C, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ĐKNKTT: Thôn L, xã HL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang;

Đang ở: Thôn K, xã HL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang;

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn P, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn L, xã HL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang;

Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, và trình bày của chị Thên Thị C thì chị và anh Triệu Văn P quen biết, tìm hiểu tự do và được hai bên gia đình cưới hỏi từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị và anh P chung sống cùng bố anh P khoảng 06 tháng thì ra ở riêng tại thôn L, xã HL. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P chơi cờ bạc, bỏ bê vợ con, không cùng chị nuôi con. Chị đã sống

ly thân với anh P từ năm 2015. Chị xác định tình cảm với anh P không còn. Chị đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh P không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh P có 02 con chung là cháu Triệu Duy T, sinh ngày 10/8/2008 và cháu Triệu Quang S, sinh ngày 02/10/2010. Chị đề nghị được nuôi cháu T, để anh P nuôi cháu S. Không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị và anh P không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Theo lời khai của anh Triệu Văn P: Anh và chị Thèn Thị C quen biết, tổ chức đám cưới từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị sống cùng bố anh khoảng 03 năm sau đó ra ở riêng trên đất của bố anh. Sau khi sinh con thứ hai khoảng 01 năm thì chị C đòi đi làm ăn xa, anh không đồng ý nhưng chị C vẫn đi. Chị C đề nghị Tòa chấm dứt quan hệ vợ chồng anh nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị C có 02 con chung là cháu Triệu Duy T, sinh ngày 10/8/2008 và cháu Triệu Quang S, sinh ngày 02/10/2010. Anh đề nghị anh được nuôi cả 02 cháu, không đề nghị chị C phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh và chị C không có tài sản chung, không có nợ chung.

Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Qua xác minh với Trưởng thôn L, bà Chu Thị Xuân cho biết: Anh Triệu Văn P, chị Thèn Thị C đã sống với nhau như vợ chồng khoảng 10 năm. Nhiều năm gần đây anh P, chị C thường xuyên đi làm ăn xa. Chị C về thì anh P lại đi và ngược lại. Nguyên nhân mâu thuẫn thì thôn không rõ. Gần tết Nguyên đán năm 2018 anh P đi làm ăn xa về thì chị C về nhà mẹ đẻ ở thôn K ở.

Xác minh với trưởng thôn K, ông Thèn Văn Phúc cho biết: Chị Thèn Thị C lấy chồng ở thôn L, xã HL. Gần tết Nguyên đán năm 2018 vợ chồng chị mâu thuẫn thì chị C về nhà bố, mẹ ở thôn K xã HL. Sau tết thì đi làm ăn xa, thì thoảng có về thăm gia đình.

Ông Thèn Lâu M là bố chị C cho biết: Từ trước tết Nguyên đán năm 2018 chị C và anh P mâu thuẫn, chị C về nhà ông ở. Sau một thời gian chị C đi làm ở tỉnh Thái Nguyên, vài tuần về thăm gia đình một lần. Hiện nay ông đang ở cùng con trai ông – là em của C. Con trai ông thì thoảng có đón các cháu con của C về thăm ông bà ngoại và mẹ. Nếu chị C ly hôn ông nhất trí để chị C và con chị C về ở cùng ông. Nhà ông có đủ diện tích để mẹ con chị C ở cùng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 BLTTDS, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành các hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải, thông báo, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành nội quy phiên tòa theo Điều 234 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy chị Thèn Thị C và anh Triệu Văn P sống với nhau như vợ chồng, có con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó tuyên bố chị C, anh P không phải là vợ chồng.

Con chung: Chị C, anh P có 02 con chung. Qua xác minh tại nơi sinh sống của anh P, chị C đề nghị giao cho anh Triệu Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Triệu Quang S, sinh ngày 02/10/2010, chị Thèn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Triệu Duy T, sinh ngày 10/8/2010. Không ai phải cấp dưỡng.

Chị Thèn Thị C phải chịu án phí ly hôn. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Chị C đã nộp: Bản sao chứng minh thư nhân dân; Bản sao giấy khai sinh của các con; Bản sao sổ hộ khẩu.

Các đương sự thống nhất với nhau về việc cùng chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Có 02 con chung nhưng tranh chấp về nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Triệu Văn P cư trú tại thôn L, xã HL, huyện YS. Chị Thèn Thị C có đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị giao nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2] Tòa án thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt hợp lệ cho anh P nhưng anh P vắng mặt. Nên không hoà giải được. Anh P xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Căn cứ vào Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vụ án.

[3] Chị Thèn Thị C và anh Triệu Văn P quen biết, tìm hiểu và tổ chức đám cưới, sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở hoàn T tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi chung sống có thời gian hạnh phúc khoảng 04 năm. Anh P, chị C đã sống ly thân. Chị C đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Theo quy định của Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì anh P, chị C không phải là vợ chồng. Hội đồng xét xử tuyên bố chị Thèn Thị C, anh Triệu Văn P không phải là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Thèn Thị C và anh Triệu P có 02 con chung là cháu Triệu Duy T, sinh ngày 10/8/2008 và cháu Triệu Quang S, sinh ngày 02/10/2010. Anh P

đề nghị được nuôi con chung, không đề nghị chị C cấp dưỡng. Chị C đề nghị được nuôi cháu T, đề anh P nuôi cháu S. Xét thấy nguyện vọng về việc nuôi con chung của anh P, chị C đều là chính đáng. Trước kia khi chưa sống ly thân thì anh P, chị C cùng thay nhau đi làm xa để có thu nhập cao nuôi con. Mặc dù cháu S và cháu T cùng có ý kiến muốn ở với bố nhưng để đảm bảo điều kiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt nhất thì cần giao cho mỗi người nuôi một cháu. Căn cứ các Điều 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu S cho anh P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, giao cháu T cho chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị C, anh P không có.

Về vay nợ: Anh P và chị C không có.

[6] Về án phí: Chị Thên Thị C phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của Điều 147 BLTTDS và theo quy định của khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C nộp.

[7] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng: Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Tuyên xử không công nhận chị Thên Thị C và anh Triệu Văn P là vợ chồng.

2. Giao cho anh Triệu Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Triệu Quang S, sinh ngày 02/10/2010. Giao cho chị Thên Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Triệu Duy T, sinh ngày 10/8/2010. Anh P, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Thên Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004714 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên S. Chị C đã nộp đủ án phí.

Chị Thên Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Triệu Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Yên S;(nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

Phan Anh Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoa

Nguyễn Công Mạch

Phan Anh Thành